

Bản án số: **29/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 29-08-2023

Về việc: "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ -TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Kim Ánh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Duy Thảo**

Ông **Đặng Ngọc Thuý**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đoàn Công Hồng Lĩnh** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Q.**

Ngày 29 tháng 08 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 231/2023/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 06 năm 2023 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 231/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 08 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 231/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 08 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Thiều Thị Minh P**, sinh năm 1973; (*Có mặt*).

2. *Bị đơn:* Ông **Đào Ngọc T**, sinh năm 1974; (*Vắng mặt*).

Cùng địa chỉ: Tổ A, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Thiều Thị Minh P trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Thiều Thị Minh P và ông Đào Ngọc T chung sống với nhau từ năm 1996 nhưng đến ngày 23 tháng 12 năm 2002 mới đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng trên cơ sở tự nguyện. Bà P và ông T chung sống được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, bắt đầu từ năm 2001 cho đến nay vợ chồng hay xích mích, không cùng chung quan điểm sống. Ông T nhiều lần đánh đập bà P bị thương nhưng bà vẫn cố gắng cam chịu để nuôi dạy các con khôn lớn. Hiện nay, bà P không còn tình cảm và niềm tin với ông T vì

ông T không chung thủy và không yêu thương bà. Mặc dù, bà P đã nhiều lần tâm sự mong ông T thay đổi nhưng vẫn không có kết quả. Vì vậy, bà P xác định không thể tiếp tục chung sống cùng ông T, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với Đào Ngọc T.

- *Về con chung*: Bà P xác định vợ chồng có 02 con chung tên là Đào Ngọc L, sinh năm: 1996 và Đào Thị Thúy T1, sinh năm: 2002. Cả 02 con đều đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có.

Bị đơn ông Đào Ngọc T mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do; không có ý kiến, văn bản phản hồi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật, riêng bị đơn không thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Thiều Thị Minh P đối với bị đơn ông Đào Ngọc T về việc: “Ly hôn”.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Đề nghị Hội đồng xét xử cho bà Thiều Thị Minh P được ly hôn với ông Đào Ngọc T.

- *Về con chung*: Bà Thiều Thị Minh P xác định có 02 con chung là Đào Ngọc L, sinh năm 1996 và Đào Thị Thúy T1, sinh năm: 2002. Cả 02 con đều đủ tuổi trưởng thành nên không đề cập giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

- *Về nợ chung*: Bà Thiều Thị Minh P xác định không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Ông Đào Ngọc T có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Tổ A, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

[2] Về tố tụng:

Bị đơn ông Đào Ngọc T mặc dù đã được Tòa án thực hiện các thủ tục triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa lần thứ hai nhưng ông T vẫn vắng mặt.

Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Thiều Thị Minh P và ông Đào Ngọc T tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng vào ngày 23/12/2002, giấy chứng nhận kết hôn số 301, như vậy hôn nhân giữa bà P và ông T là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, bà P cho rằng vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn từ năm 2001 cho đến nay, thường hay xích mích, không cùng quan điểm sống, ông T nhiều lần đánh đập bà P bị thương nhưng bà vẫn cam chịu để nuôi các con khôn lớn, đến nay mâu thuẫn đã kéo dài nhiều năm, vợ chồng không hạnh phúc. Hiện bà P cũng không còn tình cảm và niềm tin với ông T vì ông T không chung thủy và không có trách nhiệm với gia đình.

Xét thấy, hạnh phúc gia đình phải được xây dựng trên tình yêu thương và sự gắn kết của vợ chồng, tuy nhiên hiện nay ông T lạnh nhạt và không quan tâm đến bà P, nhiều lần có bạo lực gia đình với bà P. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông đến tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông đều vắng mặt không có lý do, điều đó chứng tỏ ông T bỏ mặc, không muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với bà P nên Hội đồng xét xử có căn cứ định xác định mâu thuẫn vợ chồng như bà P trình bày là có thật.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng của bà P và ông T đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nguyện vọng xin được ly hôn của bà Thiều Thị Minh P là chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- *Về con chung:* Bà Thiều Thị Minh P xác định có 02 con chung tên là Đào Ngọc L, sinh năm 1996 và Đào Thị Thúy T1, sinh năm: 2002. Cả 02 con đều đủ tuổi trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

- *Về nợ chung:* Bà Thiều Thị Minh P xác định không có nên không đề cập.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Thiều Thị Minh P phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014
- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Ly hôn” của nguyên đơn là bà Thiều Thị Minh P đối với bị đơn là ông Đào Ngọc T.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Thiều Thị Minh P được ly hôn với ông Đào Ngọc T.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà Thiều Thị Minh P phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà đã nộp theo biên lai thu số 0000147 ngày 29 tháng 06 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà P đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết trích sao bản án.

Nơi nhận:

- Các bên đương sự;
 - VKSND quận Thanh Khê;
 - Chi cục THADS quận Thanh Khê;
 - UBND phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng.
- (*Giấy CNKH số 301, ngày 23/12/2002*);
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Ánh

Nơi nhận:

- Các bên đương sự;
 - VKSND quận Thanh Khê;
 - Chi cục THADS quận Thanh Khê;
 - UBND phường Chính Gián, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng.
- (Giấy CNKH số 04/2014 ngày 06/01/2014);*
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Ánh